

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3- 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thuận

Ông Nguyễn Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh T tham gia phiên toà:
Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2021/QĐST – HNGĐ ngày 10/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn PA, xã TĐ, huyện TT, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T2; sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn PA, xã TĐ, huyện TT, tỉnh T.

Tại phiên toà có mặt chị Tới, vắng mặt anh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn T2 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã TĐ, huyện TT, tỉnh T. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tin Tưởng lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không thể cải thiện được. Chị và anh T2 đã sống ly thân từ tháng năm 11/2019 cho đến nay, không ai

quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Th, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Lê Thị Hải H, sinh ngày 28/7/2019. Từ khi vợ, chồng sống ly thân hai cháu ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2020 bị đơn là anh Lê Văn T2 trình bày:

Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã TĐ, huyện TT, tỉnh T. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Tới.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Th, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Lê Thị Hải H, sinh ngày 28/7/2019. Sau khi vợ, chồng ly hôn anh đồng ý giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tới.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T2 đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Văn T2. Giao cháu Lê Văn Th, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Lê Thị Hải H, sinh ngày 28/7/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T2 vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T2 và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T2 theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T2 đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T2 đều không đến để

tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T2 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh T2.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014 tại UBND xã TĐ, huyện TT, tỉnh T và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Chị T và anh T2 đã sống ly thân từ năm tháng 11/2019 đến nay. Điều đó chứng tỏ chị T và anh T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh T2.

[3] Về con chung: Chị T và anh T2 có 02 con chung cháu Lê Văn Th, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Lê Thị Hải H, sinh ngày 28/7/2019. Từ khi chị T và anh T2 sống ly thân các con ở với chị T được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu Th cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Th và cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung do đó chấp nhận sự tự nguyện của chị T.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Th, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Lê Thị Hải H, sinh ngày 28/7/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tới.

Anh Lê Văn T2 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2018/0002937 ngày 16/11/2020. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Tới, vắng mặt anh T2. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Thuận

Nguyễn Ngọc Phương

Lê Văn Quân